

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ GIANG
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 20-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Anh Tuấn.
- Ông Triệu Minh Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mòng Thu Hường, Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng vay tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXX-DSTC ngày 20 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: Số nhà x, ngõ x, phố T, tổ x, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *có mặt.*

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S; địa chỉ: Tổ x, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2024, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 13/6/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Khi đi lễ chùa ở đền Mẫu, bà Nguyễn Thị V quen bà Nguyễn Thị S. Sau đó ngày 02/8/2021, bà S đến nhà bà V chơi và hỏi vay tiền để làm vốn bán hàng. Do tin tưởng thấy bà S có quầy hàng ở chợ thành phố H bán bánh phở và hoa quả, bà V đã đồng ý cho bà S vay số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), lãi suất là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Hai bên không thỏa thuận thời hạn vay tiền mà chỉ thỏa thuận thời điểm bắt đầu vay là ngày 02/8/2021 và có làm giấy

vay tiền đề ngày 02/8/2021 có chữ ký và dấu điểm chỉ của bà S. Ban đầu, bà V cho rằng bà S hẹn cứ cuối tháng thì ra chỗ quầy hàng của bà S ở ngã ba chợ thành phố H để lấy tiền lãi, về sau bà V lại cho rằng bà S hứa trả lãi cho bà V vào ngày 02 hàng tháng. Đối với số tiền gốc, bà S hẹn khi nào có nhu cầu lấy thì báo trước cho bà S 01 tuần để bà S chuẩn bị tiền. Bà V đã giao đủ cho bà S số tiền 60.000.000 đồng. Bà V cho rằng bà S đã trả được 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi của tháng đầu tiên đối với số tiền 60.000.000 đồng, trả luôn vào ngày 02/8/2021, chưa trả tiền gốc.

Mấy tháng sau không nhớ ngày, bà S ốm nằm viện không bán hàng nữa, bà S có đến nhà bà V hỏi vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để đi lấy hàng, hẹn 01 tuần sau sẽ trả, bà V đồng ý cho bà S vay, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày nhưng không làm giấy tờ mà bà V chỉ ghi vào sổ cá nhân để theo dõi. Một tháng sau, bà V có gọi điện cho bà S đòi số tiền 10.000.000 đồng thì bà S bảo không có tiền trả. Ngày 20/10/2021, bà V hẹn bà S ở Công viên Cây xanh thành phố H thì bà S đã ký cho bà V giấy vay tiền đối với số tiền 10.000.000 đồng hôm trước bà S đã vay nóng chưa kịp làm giấy vay tiền, có cộng thêm số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền lãi của khoản vay số tiền 70.000.000 đồng (gồm 60.000.000 đồng vay ngày 02/8/2021 và 10.000.000 đồng vay nóng, là số tiền lãi của tháng 9 +10 + 11/2021, tổng tiền lãi là 5.400.000 đồng nhưng làm tròn thành 5.000.000 đồng). Đối với số tiền vay lần này, bà V cho rằng bà S mới trả được 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền gốc.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền, bà S đã không trả tiền gốc và lãi cho bà V theo đúng thỏa thuận, bà V đã đến nhà bà S nhiều lần để đòi nợ nhưng bà S lấy lý do ốm đau, nằm viện không trả. Vì vậy, bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị S trả cho bà V số tiền gốc là 75.000.000 đồng, tiền lãi đối với số tiền gốc tính từ ngày 08/8/2021 theo mức lãi suất là 2%/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà V thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị S trả cho bà V số tiền gốc là 69.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền gốc 60.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 02/8/2021 và tiền lãi của số tiền gốc 9.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 20/10/2021 theo mức lãi suất 20%/năm, tính từ ngày vay đến thời điểm trả nợ, trừ đi số tiền lãi 1.800.000 đồng bà S đã trả đối với Giấy vay tiền ngày 20/10/2021.

Tại phiên tòa, bà V yêu cầu bà S phải trả cho bà V số tiền gốc là 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng), yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc tính từ ngày vay đến thời điểm xét xử, theo mức lãi suất 20%/năm, tuy nhiên bà V tự nguyện giảm lãi cho bà S, chỉ yêu cầu bà S trả tổng số tiền lãi là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Tổng số tiền gốc và lãi bà V yêu cầu bà S phải trả tính đến thời điểm xét xử (ngày 20/01/2025) là 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng).

Bà V cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 Giấy vay tiền đề ngày 02/8/2021 và 01 Giấy vay tiền đề ngày 20/10/2021 (đều là bản gốc).

Tại Bản tự khai không đề ngày và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà S thừa nhận có vay của bà V tổng số tiền là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) làm nhiều lần vay chứ không phải vay thành 01 lần như bà V trình bày, cụ thể: Tháng 8/2021 bà S vay 10.000.000 đồng, đã trả lãi 800.000 đồng. Tháng 10/2021, bà S vay tiếp 10.000.000 đồng, đã trả lãi 1.600.000 đồng. Tháng 11/2021, bà S vay tiếp 20.000.000 đồng, đã trả lãi 3.200.000 đồng. Sau Tết âm lịch năm 2022, bà S vay tiếp 10.000.000 đồng, đã trả lãi 4.000.000 đồng. Cuối tháng Giêng âm lịch năm 2022, bà S ốm nằm viện, sau khi ra viện thì vay tiếp 10.000.000 đồng (vay nóng), bà V hẹn ra Công viên Cây xanh để lấy tiền, lần này bà S không trả lãi luôn. Về lãi suất, bà S cho rằng hai bên không thỏa thuận mức lãi suất theo năm hay theo ngày mà thỏa thuận mức lãi suất theo tháng, cụ thể: Cứ vay 10.000.000 đồng thì một tháng phải trả lãi 800.000 đồng. Bà S cho rằng bà S đã trả lãi cho bà V 09 tháng tiền lãi từ tháng 8/2021 đến tháng 4/2022, tổng số tiền lãi đã trả là 27.200.000 đồng (Hai mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng), việc trả lãi không làm giấy biên nhận, bà V tự ghi vào sổ. Giấy vay tiền của các lần này bà S không được giữ mà chỉ có bà V được giữ. Ban đầu bà S thừa nhận bà S có ký cho bà V 01 giấy vay tiền nhận nợ tổng số tiền 60.000.000 đồng theo như Giấy vay tiền ngày 02/8/2021 mà bà V đã cung cấp cho Tòa án nhưng về sau bà S không thừa nhận đã ký Giấy vay tiền ngày 02/8/2021.

Qua rằm tháng Giêng âm lịch năm 2022, bà S bị ốm phải nằm viện, sau khi ra viện, bà S và bà V hẹn gặp nhau ở Công viên Cây xanh thành phố H, bà S mang theo 10.000.000 đồng mục đích để trả bà V số tiền đã vay nóng sau Tết âm lịch năm 2022, bà V bảo chưa cần và cho bà S vay tiếp. Ban đầu bà S thừa nhận ký vào Giấy vay tiền đề ngày 20/10/2021 nhưng cho rằng thực chất không phải bà S vay tiền vào ngày 20/10/2021 mà ngày vay là một ngày sau Tết âm lịch năm 2022, số tiền 15.000.000 trong Giấy vay tiền ngày 20/10/2021 bao gồm 10.000.000 đồng tiền vay nóng và 5.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền 60.000.000 đồng bà S đã vay của bà V nhưng hôm đấy bà V bảo chưa cần nên chưa thu lãi. Về sau, bà S không thừa nhận được ký vào Giấy vay tiền ngày 20/10/2021.

Bà S nhất trí trả cho bà V số tiền gốc 60.000.000 đồng theo như Giấy vay tiền ngày 02/8/2021 nhưng không nhất trí trả số tiền lãi, lý do bà S cho rằng bà S đã trả lãi cho bà V tổng số tiền lãi là 27.200.000 đồng và bà V đã từng đến nhà bà S bảo là miễn lãi cho bà S. Bà S hẹn đến cuối năm 2024 sẽ trả hết số tiền 60.000.000 đồng cho bà V.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã tiến hành hòa giải, tuy nhiên các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ngày 07/10/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã ra Quyết định số 01/2024/QĐ-TCGD và 02/2024/QĐ-TCGD trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang thực hiện giám định chữ viết, chữ ký và dấu điểm chỉ vân tay của bị đơn bà Nguyễn Thị S trong các Giấy vay tiền do nguyên đơn bà Nguyễn

Thị V giao nộp cho Tòa án. Tại Kết luận giám định số 404/KL-KTHS ngày 18/11/2024 và Kết luận giám định số 405/KL-KTHS ngày 19/11/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị S trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị S trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người viết và ký ra. Không đủ cơ sở kết luận dấu đường vân trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với dấu vân tay trên mẫu so sánh ký hiệu M có phải cùng một người in ra hay không.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị S phải thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị V số tiền gốc 69.000.000 đồng; khoản tiền lãi của số tiền 60.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 02/8/2021 tính từ thời điểm vay ngày 02/8/2021 theo mức lãi suất 10%/năm đến thời điểm xét xử, có trừ đi số tiền lãi bà S đã trả là 1.800.000 đồng. Đối với số tiền gốc 9.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 20/10/2021, bà S có nghĩa vụ thanh toán cho bà V số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm, thời điểm tính lãi là thời điểm hết thời hạn 03 tháng, kể từ ngày bà V nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Bà S phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật. Về án phí: Do bị đơn là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà Nguyễn Thị S. Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị S phải hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị V số tiền chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị S về tranh chấp hợp đồng vay tiền. Do các bên đương sự đều không có đăng ký kinh doanh nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Hà Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Nguyễn Thị S đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng thì: “*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải*

quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.” Do hợp đồng vay tiền giữa các bên không thoả thuận thời hạn trả nợ nên xác định đây là hợp đồng vay tiền không kỳ hạn, theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản vào bất cứ lúc nào, hơn nữa thời điểm lập Giấy vay tiền đầu tiên là ngày 02/8/2021 tính đến thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án (ngày 06/5/2024) là chưa đủ 03 năm, do đó xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị S trả cho bà V số tiền 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng), trong đó tiền gốc là 69.000.000 đồng, tiền lãi là 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Đối với Giấy vay tiền ngày 02/8/2021: Quá trình giải quyết vụ án, bà S thừa nhận có vay của bà V và nhất trí trả cho bà V số tiền 60.000.000 đồng nên có căn cứ cho rằng bà S đã vay của bà V số tiền 60.000.000 đồng. Việc bà S cho rằng bà S vay của bà V số tiền 60.000.000 đồng làm nhiều lần chứ không phải một lần như Giấy vay tiền ngày 02/8/2021, bà S không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc vay tiền nhiều lần. Kết quả giám định chữ viết và chữ ký của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang thể hiện chữ viết và chữ ký trên Giấy vay tiền ngày 02/8/2021 là chữ viết và chữ ký của bà S nên có căn cứ để khẳng định bà S vay tiền của bà V số tiền 60.000.000 đồng làm một lần như trong Giấy vay tiền ngày 02/8/2021 bà V đã cung cấp cho Tòa án. Về thời hạn vay tiền, Giấy vay tiền ngày 02/8/2021 không có nội dung thoả thuận về thời hạn vay tiền nên xác định đây là hợp đồng vay tiền không xác định thời hạn. Về mức lãi suất, bà V cho rằng hai bên thoả thuận mức lãi suất là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 36,5%/năm), tuy nhiên bà S không thừa nhận mức lãi suất này. Cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh về mức lãi suất đã thoả thuận. Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy vay tiền ngày 02/8/2021 bà V cung cấp cho Tòa án có nội dung về lãi suất là “1N/1T”, đây là nội dung thoả thuận về lãi suất không rõ ràng, khó hiểu, trong khi các đương sự không thống nhất với nhau về mức lãi suất đã thoả thuận và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có căn cứ để xác định ý chí của các bên được thực hiện trong toàn bộ quá trình trước, tại thời điểm xác lập, thực hiện hợp đồng. Do đó, không có căn cứ để giải thích hợp đồng theo quy định tại Điều 404 Bộ luật Dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tại thời điểm trả nợ, tương đương với 10%/năm. Khoản tiền lãi đối với số tiền gốc 60.000.000 đồng tính từ ngày vay tiền (ngày 02/8/2021) đến thời điểm xét xử (ngày 20/01/2025) theo mức lãi suất 10%/năm là: $[60.000.000 \text{ đồng} \times (10\%/\text{năm} : 365 \text{ ngày}) \times 1267 \text{ ngày}] = 20.827.397 \text{ đồng}$ (Hai mươi triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng). Bà V thừa nhận bà S đã

trả cho bà V số tiền lãi là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) nên số tiền lãi bà S còn phải trả cho bà V là: 20.827.397 đồng - 1.800.000 đồng = 19.027.397 đồng (Mười chín triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng). Bà S cho rằng bà S đã trả lãi cho bà V 09 tháng tiền lãi từ tháng 8/2021 đến tháng 4/2022, tổng số tiền lãi đã trả là 27.200.000 đồng, tuy nhiên bà S không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã trả lãi nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Do bà V không yêu cầu tính lãi chậm trả cũng như không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về thời điểm thông báo trả nợ theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét mức lãi suất chậm trả đối với khoản tiền gốc 60.000.000 đồng nói trên.

[6] Đối với Giấy vay tiền ngày 20/10/2021 có nội dung “Tôi ốm nằm viện nay thêm 15.000.000 triệu mười năm triệu chẵn... còn số cũ vẫn vay”. Bà S không thừa nhận được ký Giấy vay tiền này, tuy nhiên Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang đã kết luận chữ viết và chữ ký trên Giấy vay tiền ngày 20/10/2021 là của bà S. Nội dung giấy vay tiền thể hiện bà S có vay của bà V số tiền là “15.000.000 triệu” nhưng đã có nội dung thể hiện số tiền bằng chữ “mười năm triệu chẵn” nên có căn cứ cho rằng số tiền vay thỏa thuận tại Giấy vay tiền ngày 20/10/2021 là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Ngoài nội dung này, Giấy vay tiền còn có nội dung “số mới còn số cũ vẫn vay” nên có căn cứ để khẳng định Giấy vay tiền ngày 20/10/2021 độc lập với Giấy vay tiền ngày 02/8/2021. Tuy nhiên, bà V thừa nhận số tiền 15.000.000 đồng này bao gồm số tiền vay mới 10.000.000 đồng và số tiền lãi cho nợ là 5.000.000 đồng. Sự thừa nhận này của bà V có lợi cho phía bị đơn nên có căn cứ cho rằng thực tế số tiền vay theo Giấy vay tiền ngày 20/10/2021 là 10.000.000 đồng chứ không phải là 15.000.000 đồng. Về thời hạn vay tiền, Giấy vay tiền ngày 20/10/2021 không thể hiện nội dung thỏa thuận về thời hạn vay tiền; ngoài Giấy vay tiền ngày 20/10/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ khác chứng minh thời hạn vay tiền nên có căn cứ cho rằng đây là hợp đồng vay tiền không xác định thời hạn. Về lãi suất, bà V cho rằng có thỏa thuận về lãi suất là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày nhưng nội dung Giấy vay tiền ngày 20/10/2021 bà V cung cấp cho Tòa án không thể hiện thỏa thuận về lãi suất, bà S không thừa nhận khoản vay này và bà V cũng không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về việc hai bên có thỏa thuận lãi suất. Do đó, không có căn cứ cho rằng hợp đồng vay tiền ngày 20/10/2021 có thỏa thuận về lãi suất, có căn cứ xác định hợp đồng vay tiền ngày 20/10/2021 là hợp đồng vay tiền không có lãi. Bà V thừa nhận bà S đã trả số tiền gốc 1.000.000 đồng đối với khoản vay này; bà S không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc đã trả nợ nên xác định bà S còn nợ bà V số tiền gốc là 9.000.000 đồng và không phải trả lãi đối với khoản vay theo Giấy vay tiền ngày 20/10/2021. Do bà V không yêu cầu tính lãi chậm trả cũng như không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về thời điểm thông báo trả nợ theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét mức lãi suất chậm trả đối với khoản tiền gốc 9.000.000 đồng nói trên.

[7] Từ những phân tích trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với số tiền gốc, căn cứ các điều 352, 466 và 469 Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V buộc bà S phải trả số tiền gốc là 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng), bao gồm 60.000.000 đồng của Giấy vay tiền ngày 02/8/2021 và 9.000.000 đồng của Giấy vay tiền ngày 20/10/2021. Đối với số tiền lãi, bà V yêu cầu bà S phải trả số tiền lãi là 20.000.000 đồng của cả hai hợp đồng vay, căn cứ các điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự, số tiền lãi bà V yêu cầu bà S phải trả cao hơn so với quy định của pháp luật, do đó chỉ có căn cứ chấp nhận buộc bà S phải trả lãi cho bà V số tiền lãi là 19.027.397 đồng (Mười chín triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng) là khoản tiền lãi chưa trả theo Giấy vay tiền ngày 02/8/2021. Số tiền lãi bà V yêu cầu vượt quá quy định là 972.603 đồng (Chín trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng) không được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền cả gốc và lãi bà S phải trả cho bà V là: 69.000.000 đồng + 19.027.397 đồng = 88.027.397 đồng (Tám mươi tám triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, các điều 14, 15, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thấy: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và bị đơn bà Nguyễn Thị S đều đã có đơn đề nghị miễn án phí, xét thấy nguyên đơn và bị đơn đều là người cao tuổi, do đó Hội đồng xét xử miễn án phí cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị V đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận; miễn án phí cho bị đơn bà Nguyễn Thị S đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[9] Về chi phí tố tụng: Căn cứ các điều 161 và 162 Bộ luật Tố tụng dân sự, do kết quả trưng cầu giám định chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V là có căn cứ nên bị đơn bà Nguyễn Thị S phải chịu chi phí giám định. Do bà Nguyễn Thị V đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nên bà Nguyễn Thị S phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền chi phí giám định là: 3.239.999 đồng (Ba triệu hai trăm ba mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 184, 186, 228, 266, 271, 273, 147, 161 và 162 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 116, 117, 280, 352, 357, 401, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 2, 5, 6 và 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, các điều 14, 15, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị S về việc tranh chấp hợp đồng vay tiền.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị V tổng số tiền là: **88.027.397 đồng** (Tám mươi tám triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), cụ thể như sau:

- Số tiền gốc 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và số tiền lãi tính đến thời điểm xét xử ngày 20/01/2025 là 19.027.397 đồng (Mười chín triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng) theo Giấy vay tiền ngày 02/8/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (10%/năm).

- Số tiền gốc 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 20/10/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V buộc bị đơn bà Nguyễn Thị S phải trả số tiền lãi 972.603 đồng (Chín trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng).

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà Nguyễn Thị S đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị V đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị S phải chịu chi phí giám định. Bà Nguyễn Thị S phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền chi phí giám định là: **3.239.999 đồng** (Ba triệu hai trăm ba mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt

tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Hà Giang;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hoàng Khánh Phương